

Số: /2021/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch (sau đây gọi chung là Hội đồng quản lý) và mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan quản lý cấp trên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao và du lịch (sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội căn cứ quy định của Thông tư này và các quy định của Đảng, pháp luật có liên quan để áp dụng cho phù hợp.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập và hoạt động của Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Thông tư này không áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện, thủ tục và thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý

1. Nguyên tắc, điều kiện, thủ tục và thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đề án thành lập Hội đồng quản lý do đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập. Nội dung Đề án thành lập, bao gồm:

- a) Sự cần thiết và cơ sở pháp lý;
- b) Vị trí, chức năng;
- c) Nhiệm vụ và quyền hạn;
- d) Cơ cấu tổ chức;
- đ) Dự kiến phương án nhân sự của Hội đồng quản lý;
- e) Kiến nghị của cơ quan xây dựng đề án thành lập Hội đồng quản lý (nếu có);
- g) Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VỚI NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN

Điều 4. Vị trí và chức năng

1. Hội đồng quản lý là đại diện của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Hội đồng quản lý quyết định về chủ trương, chiến lược, kế hoạch hoạt động, tài chính và tổ chức bộ máy, nhân sự (trừ số lượng người làm việc theo quy định của pháp luật về viên chức); kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu,

kế hoạch hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật và quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Quyết định về chiến lược, kế hoạch trung hạn và hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Quyết định chủ trương đầu tư mở rộng hoạt động, thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Quyết định chủ trương về tổ chức bộ máy, nhân sự (trừ số lượng người làm việc theo quy định của pháp luật về viên chức).

4. Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định về tài chính, tài sản, xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, huy động nguồn lực cần thiết để phát triển hoạt động của đơn vị theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của pháp luật.

5. Quyết định về định hướng hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ và phát triển khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế của đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Thông qua quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Thông qua báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo cơ quan quản lý cấp trên về các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

9. Định kỳ hoặc đột xuất yêu cầu người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo về các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.

10. Thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản lý, chiến lược, kế hoạch hoạt động, việc thực hiện quy chế dân chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

11. Quyết định các vấn đề quan trọng khác của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Số lượng, cơ cấu và thành phần Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý có số lượng thành viên từ 05 đến 11 người, gồm Chủ tịch và các thành viên. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản lý do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản lý không quá 05 năm.

2. Thành phần Hội đồng quản lý gồm có:

a) Đại diện cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập, gồm đại diện của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh và cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (nếu có); làm việc theo chế độ kiêm nhiệm;

b) Bí thư cấp ủy, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; đại diện tổ chức chính trị - xã hội và một số đơn vị trực thuộc đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Số lượng, cơ cấu, thành phần cụ thể của thành viên Hội đồng quản lý do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập quyết định.

Điều 7. Cơ chế hoạt động

1. Hội đồng quản lý hoạt động theo Quy chế hoạt động được cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.

2. Hội đồng quản lý làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số bằng hình thức bỏ phiếu kín. Hội đồng quản lý họp định kỳ ít nhất 03 tháng một lần và họp đột xuất khi cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người có thẩm quyền thành lập. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý được coi là họp lệ khi có trên 2/3 số thành viên tham dự.

3. Hội đồng quản lý được sử dụng bộ máy giúp việc và con dấu của đơn vị sự nghiệp công lập để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

4. Chủ tịch Hội đồng quản lý có trách nhiệm và quyền hạn chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý; chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm; chỉ đạo tổ chức và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản lý; ký ban hành các văn bản của Hội đồng quản lý.

5. Thành viên Hội đồng quản lý thực hiện và chịu trách nhiệm về nhiệm vụ của Hội đồng quản lý do Chủ tịch Hội đồng quản lý phân công; tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản lý, chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

6. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý và chế độ phụ cấp (nếu có) của thành viên Hội đồng quản lý được tính trong chi phí hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

7. Cơ chế hoạt động của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Điều 8. Mối quan hệ công tác

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản lý với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, điều hành hoạt động của đơn vị thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nghị quyết trước Hội đồng quản lý;

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho các cuộc họp, phiên họp của Hội đồng quản lý.

2. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản lý với cơ quan quản lý cấp trên:

a) Hội đồng quản lý chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

b) Hội đồng quản lý có trách nhiệm báo cáo các hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập đối với cơ quan quản lý cấp trên theo quy định;

c) Cơ quan quản lý cấp trên thông qua hoặc có ý kiến đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Hội đồng quản lý.

3. Quan hệ công tác của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý.

Điều 9. Quy chế hoạt động

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Các quy định chung;

b) Chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý;

c) Số lượng, cơ cấu, nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý;

d) Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý;

đ) Cơ chế hoạt động;

e) Mọi quan hệ công tác;

g) Các quy định khác đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý, trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý phê duyệt.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2022.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể thao

và du lịch và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ VHTTDL;
- Sở VHTTDL, Sở VHNT, Sở DL;
- Công báo; Cổng TTĐT Chính phủ: Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Cổng TTĐT Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, Vụ TCCB, BT(300).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng